

Số: /QĐ-DAGT

Khánh Hòa, ngày tháng 12 năm 2019

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai ngân sách nhà nước năm 2019 điều chỉnh  
của Ban QLDA Đầu tư Xây dựng các Công trình Giao thông Khánh Hòa

### GIÁM ĐỐC BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG KHÁNH HÒA

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về  
việc qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính  
hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được  
ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 3323/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 của UBND tỉnh  
Khánh Hòa về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ban QLDA đầu tư  
Xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Khánh Hòa; và Quyết định số 2987/QĐ-  
UBND ngày 27/9/2019 V/v điều chỉnh khoản 4 điều 1 của Quyết định số  
3323/QĐ-UBND ngày 03/11/2017.

Căn cứ Quyết định số 3704/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của UBND tỉnh  
Khánh Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán thu, chi quản lý dự án năm 2019  
của Ban QLDA đầu tư Xây dựng các công trình Giao thông Khánh Hòa.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán thu, chi quản lý dự án  
năm 2019 của Ban QLDA đầu tư Xây dựng các công trình Giao thông Khánh Hòa;

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Phó Giám đốc, các phòng trực thuộc Ban và các đơn vị liên quan  
thực hiện Quyết định này./.

**GIÁM ĐỐC**

*Nơi nhận:*

- Như điều 3; (VBĐT)
- Sở Tài chính; (VBĐT)
- Lưu: VT, HM

**Đặng Hữu Tài**

**ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU, CHI QUẢN LÝ DỰ ÁN NĂM 2019**  
**của Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng các Công trình Giao thông**  
*(Kèm theo quyết định số: /QĐ- DAGT ngày /12/2019)*

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số tiền (đồng)</b>
1	2	3
<b>A</b>	<b>DỰ TOÁN THU</b>	<b><u>9.309.120.887</u></b>
	<b>Tổng cộng:</b>	<b><u>9.309.120.887</u></b>
1	Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang	3.914.165.534
2	Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý	2.562.477.821
3	Dự án bổ sung trong năm (nếu có)	0
4	Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn (nếu có) đã trừ các khoản thuế phải nộp	261.565.000
5	Nguồn thu hợp pháp khác	2.570.912.532
<b>II</b>	<b>Nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng</b>	<b>0</b>
<b>III</b>	<b>Nguồn thu được sử dụng trong năm (III)=(I)-(II)=B</b>	<b><u>9.309.120.887</u></b>
<b>B</b>	<b>DỰ TOÁN CHI</b>	
	<b>Tổng cộng:</b>	<b><u>4.755.717.179</u></b>
<b>I</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b><u>4.375.717.179</u></b>
1	Tiền lương	1.784.004.690
2	Tiền công	68.256.000
3	Các khoản phụ cấp lương	50.112.000
4	Các khoản trích nộp theo lương	423.344.489
5	Chi tiền thưởng	50.000.000
6	Chi phúc lợi tập thể	260.000.000
7	Thanh toán dịch vụ công cộng	250.000.000
8	Chi mua vật tư văn phòng	250.000.000

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số tiền (đồng)</b>
9	Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền	100.000.000
10	Chi hội nghị	50.000.000
11	Chi công tác phí	200.000.000
12	Chi thuê mướn	50.000.000
13	Chi đoàn đi công tác nước ngoài	0
14	Chi đoàn vào	50.000.000
15	Chi sửa chữa thường xuyên tài sản	180.000.000
16	Chi phí khác	350.000.000
17	Dự phòng	260.000.000
<b>II</b>	<b>Chi không thường xuyên</b>	<b>380.000.000</b>
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	0
2	Chi mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý	150.000.000
3	Chi sửa chữa lớn tài sản cố định	150.000.000
4	Chi thực hiện tinh giản biên chế (nếu có)	30.000.000
5	Chi khác	50.000.000